

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi
và Báo cáo an toàn đập
Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2)
Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hiệp định vay số 5749-VN ký ngày 08/4/2016 giữa Ngân hàng Thế giới (WB) và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 5095/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) đính kèm Quyết định số 2793/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 và Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo an toàn đập Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Lỗ Môn, Hồ Cùng, Cự Lễ; Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Mỹ Đức, Kim Sơn, Đá Bàn, Giao Hội, Hóc Tranh; Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hưng Long, Trinh Vân, Suối Rùn, An Tường, Núi Miếu và hệ thống quan trắc tự động, dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Mỹ Đức, Kim Sơn, Đá Bàn, Giao Hội, Hóc Tranh, dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4254/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Bình Định;

Theo Văn bản số 5460/UBND-KT ngày 13/9/2019 và Văn bản số 2129/UBND-KT ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương bổ sung danh mục hồ chứa vào dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Bình Định;

Theo Văn bản số 5996/UBND-KT ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung thiết kế một số hạng mục thuộc dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

Căn cứ Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hưng Long, Trinh Vân, Suối Rùn, An Tường, Núi Miếu và Thiết bị quan trắc tự động, dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 5262/BNN-TCTL ngày 07/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ý kiến đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo an toàn đập các hồ Hóc Tranh và Cây Me, Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 406/TTr-BQL ngày 23/10/2020 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2428/SNN-QLXDCT ngày 21/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo an toàn đập dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Bình Định.

Dự án thành phần: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2).

2. Nhóm dự án: Nhóm B.

3. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp III.

4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo an toàn đập:

- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi 3.

- Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung (lập phần bổ sung cho 02 hồ Hồ Trạch và Cây Me).

5. Chủ nhiệm lập dự án:

- Thạc sĩ Trần Minh Tân

- Thạc sĩ Đỗ Cảnh Hào (lập phần bổ sung cho 02 hồ Hồ Trạch và Cây Me)

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng điều chỉnh, bổ sung:

a) Quy mô đầu tư đã được phê duyệt tại các Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 và Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh: Sửa chữa, nâng cấp 15 hồ chứa nước, bao gồm: Lỗ Môn, Trinh Vân, Hồ Cùng, An Tường, Núi Miếu, Kim Sơn, Mỹ Đức, Đá Bàn, Suối Rùn, Giao Hội, Cự Lễ, Hưng Long, Hóc Tranh, Hồ Trạch (hồ tiềm năng), Cây Thích (hồ tiềm năng).

b) Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung: Sửa chữa, nâng cấp 15 hồ chứa nước, bao gồm: Lỗ Môn, Trinh Vân, Hồ Cùng, An Tường, Núi Miếu, Kim Sơn, Mỹ Đức, Đá Bàn, Suối Rùn, Giao Hội, Cự Lễ, Hưng Long, Hóc Tranh, Hồ Trạch, Cây Me.

- Hồ chứa nước Hồ Trạch: Sửa chữa nâng cấp đập đất, xây mới tràn xả lũ, xây dựng mới cống lấy nước, sửa chữa và nâng cấp đường thi công kết hợp quản lý, lắp đặt thiết bị đo mưa và đo mực nước tự động.

- Hồ chứa nước Cây Me: Sửa chữa nâng cấp đập đất, xây mới tràn xả lũ, xây dựng mới cống lấy nước, lắp đặt thiết bị đo mưa và đo mực nước tự động.

7. Phương án thiết kế cơ sở phần điều chỉnh, bổ sung

7.1. Hồ chứa nước Hồ Cùng

Bổ sung lan can bảo vệ hai bên tường tràn; bổ sung kéo dài rãnh thoát nước hai bên tràn về đến đập đất; bổ sung gờ chắn bảo đảm giao thông đầu tràn bờ tả; điều chỉnh tuyến kênh chuyển nước vào hồ chứa cho phù hợp địa hình thực tế.

7.2. Hồ chứa nước Cự Lễ

Đường thi công kết hợp quản lý vận hành: Bổ sung chiều dài đường tăng từ 200m lên 879m, tăng 679 m để đầu nối tới đường bê tông nông thôn hiện trạng vào hồ.

7.3. Hồ chứa nước Lỗ Môn

Bổ sung cầu qua tràn xả lũ để đầu nối với đường quản lý vận hành công trình.

7.4. Hồ chứa nước Kim Sơn

- Tràn xả lũ: Bổ sung gia cố mái đá lát khan chít mạch dày 25cm phần tiếp giáp giữa tràn xả lũ với đập đất cho phù hợp với địa hình thực tế, đảm bảo ổn định.

- Cống lấy nước: Điều chỉnh chiều dài cống từ 80m lên 96,1m, dài hơn 16,10m. Điều chỉnh nâng cao độ đáy cống lấy nước từ (27,20m phía thượng lưu và 27,12m phía hạ lưu) lên thành (28,50m phía thượng lưu và 28,42m phía hạ lưu) cho phù hợp với địa hình thực tế, đảm bảo được cao trình đầu nước không chế toàn bộ khu tưới.

- Đường quản lý: Điều chỉnh giảm rãnh thoát nước bên tả đường quản lý số 1 cho phù hợp với địa hình thực tế. Bổ sung rãnh thoát nước hình thang dài 98m từ cọc C4 – 7m đến cọc KC đường quản lý số 2 cho phù hợp với địa hình thực tế.

7.5. Hồ chứa nước Hóc Tranh

- Đập đất: Bổ sung kéo dài phạm vi đào chân khay thượng lưu chống thấm đập và gia cố mái thượng lưu đoạn từ cọc D9-D11; điều chỉnh không tạo chân khay và tường nghiêng thượng lưu; đắp phản áp mái hạ lưu đập để bảo đảm ổn định (thấm và mái dốc), an toàn cho đập.

- Tràn xả lũ: Điều chỉnh cao độ bản đáy ngưỡng tràn từ 47,00m lên 47,30m cho phù hợp với thực tế địa chất công trình nền đá. Điều chỉnh khẩu độ tràn từ 16m xuống 12m (cột nước tràn thiết kế giảm từ 1,85 m xuống 1,81m), trên cơ sở tính toán tối ưu khả năng thoát lũ cho công trình và đảm bảo sự an toàn cho cư dân vùng hạ lưu đập.

- Cống lấy nước: Điều chỉnh tăng chiều dài cống từ 69,5m lên 101,3m, dài hơn 31,8m để phù hợp với mặt cắt tối ưu của đập.

- Đường quản lý: Bổ sung kéo dài thêm 84,6m cho phù hợp với thực tế; bổ sung gia cố mái tả luy đường để đảm bảo ổn định, đoạn từ K0+321m đến K0+360m, kết cấu bê tông M200 dày 15cm; bổ sung hoàn trả lại kênh tưới hiện trạng bằng đất đoạn K0+324 đến K0+638,22m.

- Đường quản lý vận hành: Điều chỉnh tăng chiều dài đường từ 423m lên 1.100m, dài hơn 677m để kết nối giao thông.

7.6. Hồ chứa nước Mỹ Đức

- Đập đất: Bổ sung khối lượng đất đào chân khay, đất đắp chống thấm xử lý lòng suối cũ tại lý trình K0+325,0-K0+397,0m dài 72,0m; thay đổi kết cấu gia cố tại cơ đập (+19,0m) mái thượng lưu từ đá lát khan sang bê tông M300 dày 12cm cho phù hợp.

- Đường quản lý vận hành: Bổ sung nâng cấp tuyến đường hiện trạng quản lý vận hành hồ đã bị hư hỏng dài 451,5m, bê tông M250 dày 18cm; bố trí công thoát nước D80cm tại lý trình K0+558,83m dài 7,0m, bố trí rãnh thoát nước dọc phải tuyến đường quản lý từ lý trình K0+563 ÷ K0+706,90, dài 163,30m.

7.7. Hồ chứa nước Đá Bàn

- Đập đất: Bổ sung đắp phản áp hạ lưu, tiêu nước bằng ống cát+áp mái để đảm bảo ổn định, an toàn cho đập. Bổ sung san gạt, trồng cỏ bảo vệ mái phía hạ lưu đập (M=1:2,75).

- Trần xả lũ: Điều chỉnh thiết kế cơ sở thành tràn tự do ngưỡng thành mỏng, khẩu diện tràn rộng hơn 6m, chiều dài dốc nước ngắn hơn 21,8m, độ dốc 5%, trên cơ sở tính toán tối ưu khả năng thoát lũ cho công trình (cột nước tràn thiết kế giảm từ 1,01m xuống 0,91m). Điều chỉnh gia cố rọ đá phía hạ lưu sang hình thức lát đá trong khung giăng; Bổ sung trồng cỏ bảo vệ mái hạ lưu tràn.

- Công lấy nước: Bổ sung xây dựng mới công lấy nước $\Phi 600\text{mm}$ dạng ống thép bọc BTCT M300, lấy nước bằng van ở hạ lưu, chế độ chảy qua công có áp. Cao trình ngưỡng công 20,3m, chiều dài công 92,75m, lưu lượng qua công 0,15 m³/s. Xây nhà van kết hợp làm nhà quản lý công trình.

- Đường quản lý vận hành: Bổ sung tăng chiều dài tuyến đường từ 311,20m lên 324,60m vượt đầu nối vào đầu cầu giao thông qua tràn.

7.8. Hồ chứa nước Giao Hội

- Đập đất: Điều chỉnh chỉ tiêu đất đắp đập (tận dụng đất đào móng tràn xả lũ lớp (3) để đắp) từ dung trọng khô thiết kế $\gamma_{\text{KTK}} = 1,46 \text{ T/m}^3$ lên thành dung trọng khô thiết kế $\gamma_{\text{KTK}} = 1,688 \text{ T/m}^3$, độ ẩm tốt nhất $W = 16,86 \%$ (độ chặt $K = 0,97$) cho phù hợp với kết quả đầm nén thí nghiệm hiện trường, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Điều chỉnh chiều dài đỉnh đập kể cả tràn từ 654m lên 669,34m, dài hơn 15,34m, trên cơ sở tính toán tối ưu hoá kết cấu mặt cắt ngang đập đất, đảm bảo ổn định, an toàn cho đập.

- Trần xả lũ: Điều chỉnh chiều dài dốc nước từ 48,6m xuống 43,4m và độ dốc 5%; chiều cao cột nước tràn xả lũ thiết kế và kiểm tra nhỏ hơn từ (0,14÷0,20)m, lưu lượng lũ thiết kế và lũ kiểm tra nhỏ hơn từ (27,40÷46,40)m³/s, trên cơ sở tính toán điều tiết lũ, tối ưu khả năng thoát lũ cho công trình và an toàn đập. Điều chỉnh hình thức gia cố sân sau tràn từ rọ đá sang lát đá trong khung giăng. Bổ sung gia cố mái bê tông M250, dày 12cm vai tả tràn (kéo dài về phía đập chính).

- Cổng lấy nước: Bổ sung gia cố mái kênh dẫn vào cổng lấy nước đập chính bằng hình thức lát đá trong khung giằng để đảm bảo ổn định; điều chỉnh nâng cao độ đáy cổng lấy nước đập phụ từ (12,50m phía thượng lưu và 12,20m phía hạ lưu) lên thành (12,90m phía thượng lưu và 12,60m phía hạ lưu) cho phù hợp với địa hình thực tế, đảm bảo được cao trình đầu nước không chế toàn bộ khu tưới.

7.9. Hồ chứa nước An Tường

- Đập đất: Điều chỉnh chiều dài đỉnh đập từ 595m lên 650m, tăng 55,0m.

- Trần xả lũ: Điều chỉnh vị trí trần xả lũ dịch về phía hữu trần hiện tại 80,0m để dòng chảy sau tràn được thuận lợi, hạn chế tác động của dòng chảy gây xói lở hạ lưu đập.

- Đường quản lý vận hành: Bổ sung sửa chữa, nâng cấp 971m đường bê tông hiện trạng đã hư hỏng, xuống cấp do nhiều năm sử dụng, để kết nối giao thông được thuận lợi, phục vụ công tác quản lý, vận hành hồ chứa, an toàn đập trong mùa mưa bão và phục vụ giao thông đi lại cho nhân dân. Quy mô nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 3,5m, kết cấu mặt đường bằng bê tông M250, dày 18cm.

7.10. Hồ chứa nước Núi Miếu

- Cổng lấy nước: Bổ sung gia cố đá lát khan mái đập đất đoạn trước đầu cổng lấy nước để đảm bảo ổn định và an toàn công trình. Nguyên nhân do cổng lấy nước trước đây được địa phương sửa chữa xây dựng mới nhưng chưa gia cố mái.

- Trần xả lũ: Bổ sung kéo dài gia cố mái hạ lưu tràn 27m để đảm bảo ổn định tràn. Hình thức gia cố bằng đá lát khan trong khung vây và trồng cỏ.

7.11. Hồ chứa nước Trinh Vân

- Đập đất: Điều chỉnh chiều dài đỉnh đập từ 900m lên 919m, tăng 19m.

- Trần xả lũ: Bổ sung đá rời hạ lưu tràn để đảm bảo ổn định công trình.

- Đường quản lý vận hành: Bổ sung sửa chữa, nâng cấp 360m đường bê tông hiện trạng đã hư hỏng, xuống cấp do nhiều năm sử dụng, để kết nối giao thông được thuận lợi, phục vụ công tác quản lý, vận hành hồ chứa, an toàn đập trong mùa mưa bão và phục vụ giao thông đi lại cho nhân dân. Quy mô nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 3,5m, kết cấu mặt đường bằng bê tông M250, dày 18cm.

7.12. Hồ chứa nước Suối Rùn

- Đập đất: Điều chỉnh chiều dài đỉnh đập từ 348,9m lên 380m, tăng 31,1m; điều chỉnh biện pháp chống thấm chân khay thượng lưu bằng hào xi măng + Bentonite sang đóng cừ Larsen để phù hợp với điều kiện địa chất, thủy văn và tiến độ thi công.

- Đường quản lý vận hành: Điều chỉnh hướng tuyến từ bên ngoài qua suối đi vào đầu đập vai trái để thuận lợi kết nối giao thông vào hồ, chiều dài tuyến đường điều chỉnh là 366m và cầu giao thông qua suối Rùn dài 21,6m; bổ sung sửa chữa, nâng cấp 1.723m đường bê tông hiện trạng đã hư hỏng, xuống cấp do nhiều năm

sử dụng, để kết nối giao thông được thuận lợi, phục vụ công tác quản lý, vận hành hồ chứa, an toàn đập trong mùa mưa bão và phục vụ giao thông đi lại cho nhân dân. Quy mô nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 4m, kết cấu mặt đường bằng bê tông M250, dày 18cm.

7.13. Hồ chứa nước Hưng Long

- Đập đất: Điều chỉnh thiết kế đập đất cả mái thượng lưu và hạ lưu, trên cơ sở tài liệu khảo sát địa chất, tính toán tối ưu hoá kết cấu mặt cắt ngang đập đất, đảm bảo ổn định, an toàn cho đập. Bổ sung, sửa chữa gia cố mái đá lát trong khung BTCT M300 từ cao trình 33,17 m trở xuống chân đập.

- Cổng lấy nước: Điều chỉnh cao trình ngưỡng cổng từ 27,0m xuống 26,6m để phù hợp với cao trình hiện trạng. Bổ sung sửa chữa cửa vào cổng lấy nước, xây lại cầu công tác thượng lưu, thay van và máy đóng mở.

- Đường quản lý vận hành: Bổ sung thiết kế nâng cấp 630m đường thi công kết hợp quản lý vận hành, đường nông thôn loại B, nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 3,5m, kết cấu mặt đường bằng BT M250 dày 18cm.

7.14. Hồ chứa nước Hồ Trạch

- Đập đất: Sửa chữa, nâng cấp đập cũ bằng cách chống thấm cho thân đập bằng chân khay, tường nghiêng; mái thượng lưu gia cố bằng bê tông M300 đổ tại chỗ từ đỉnh đập đến dưới MNDBT 1m, phần còn lại trở xuống chân đập gia cố đá lát trong khung BTCT M300, mái hạ lưu bảo vệ bằng trồng cỏ.

- Tràn xả lũ: Xây dựng mới tràn theo hình thức tràn ngưỡng tự do bán thực dụng, kiểu móng ngựa, với bề rộng ngưỡng $B=20\text{m}$, kết cấu BTCT M300, nối tiếp dốc nước và bể tiêu năng.

- Cổng lấy nước: Xây dựng mới cổng lấy nước D60cm, kết cấu bằng bê tông cốt thép và xây nhà bao che van theo mẫu.

- Đường thi công kết hợp quản lý: Sửa chữa và nâng cấp 1.261m với cấp đường giao thông nông thôn loại B.

7.15. Hồ chứa nước Cây Me

- Đập đất: Sửa chữa, nâng cấp đập cũ bằng cách chống thấm cho thân đập bằng chân khay, tường nghiêng; mái thượng lưu gia cố bằng bê tông M300 đổ tại chỗ từ đỉnh đập đến dưới MNDBT 1m, phần còn lại trở xuống chân đập gia cố đá lát trong khung BTCT M300, mái hạ lưu bảo vệ bằng trồng cỏ.

- Tràn xả lũ: Xây dựng mới tràn theo hình thức tràn ngưỡng tự do bán thực dụng, kiểu móng ngựa, với bề rộng ngưỡng $B=15\text{m}$, kết cấu BTCT M300, tiêu năng trên nền đá tự nhiên. Gia cố vai phải tràn xả lũ bằng đắp đất đến cao trình đỉnh đập thiết kế +19,20m, chiều dài $L=56,80\text{m}$; bề rộng gia cố $B=5,0\text{m}$.

- Cổng lấy nước: Xây dựng mới cổng lấy nước D60cm, kết cấu bằng bê tông cốt thép và xây nhà bao che van theo mẫu.

(Kèm theo Phụ lục: Thông số kỹ thuật chủ yếu của hồ Hồ Trạch và Cây Me)

8. Báo cáo kiểm tra an toàn đập

Báo cáo kiểm tra an toàn đập được lập bổ sung cho 02 hồ chứa nước Hồ Trạch và Cây Me theo quy định của Ngân hàng Thế giới.

9. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung:

9.1. Giá trị điều chỉnh, bổ sung: 255.201.000.000 đồng. (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, hai trăm lẻ một triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 3.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 186.124.886.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 8.607.146.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 3.089.158.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 21.385.808.000 đồng;
- Chi phí khác: 11.922.093.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 21.072.000.000 đồng.

9.2. Giá trị Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư phê duyệt theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 20/7/2018	Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch Tăng (+), Giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	11.130.000	3.000.000	-8.130.000
2	Chi phí xây dựng	171.153.020	186.124.886	14.971.866
3	Chi phí thiết bị	7.837.957	8.607.146	769.189
4	Chi phí quản lý dự án	2.839.448	3.089.158	249.710
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	27.274.575	21.385.808	-5.888.767
6	Chi phí khác	14.805.666	11.922.093	-2.883.573
7	Chi phí dự phòng	20.500.818	21.072.000	571.182
	Tổng cộng	255.541.000	255.201.091	-340.393

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Phân theo nguồn vốn (Ngàn đồng)	
			Vốn Ngân hàng Thế giới	Vốn đối ứng
1	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	3.000.000		3.000.000
2	Chi phí xây dựng	186.124.886	186.124.886	
3	Chi phí thiết bị	8.607.146	8.607.146	
4	Chi phí quản lý dự án	3.089.158		3.089.158
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	21.385.808	16.462.113	4.923.695
6	Chi phí khác	11.922.093	9.805.615	2.116.478
7	Chi phí dự phòng	21.072.000	19.890.000	1.182.000
	Tổng cộng	255.201.091	240.889.760	14.311.331

9.3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư: Bổ sung hạng mục hồ chứa nước Hồ Trạch và Cây Me; cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung, giá trị thực hiện của 13 hồ còn lại.

10. Các nội dung khác:

Các nội dung trên điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 và Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Bình Định.

Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 và Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (năm 2) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Bình Định.

11. Nguyên nhân điều chỉnh, bổ sung:

- Bổ sung thiết kế cơ sở 02 hồ tiềm năng Hồ Trạch và Cây Me (thay thế hồ Cây Thích) để triển khai thực hiện từ nguồn vốn còn thừa của dự án sau khi rà soát..

- Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở 13 hồ đang triển khai thực hiện cho phù hợp với thực tế, cập nhật một số nội dung đã được phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tăng khả năng ổn định của công trình, phát huy hiệu quả đồng bộ của dự án.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 và Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện Tây Sơn, Phù Mỹ, Hoài Ân, An Lão; Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục:
Thông số kỹ thuật chủ yếu hồ Hồ Trạch và hồ Cây Me
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

T T	Thông số	Đơn vị	Trị số	
			Hồ Hồ Trạch	Hồ Cây Me
I	Cấp công trình		III	III
II	Hồ chứa			
1	Diện tích lưu vực	km ²	2,70	1,60
2	Mức đảm bảo tưới P	%	85	85
3	Lưu lượng bình quân năm	m ³ /s	0,112	0,066
4	Tổng lượng dòng chảy năm	10 ⁶ m	3,538	2,097
5	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với các tần suất			
	P= 1,5%	m ³ /s	109,73	64,67
	P= 0,5%	m ³ /s	142,54	84,00
	P= 0,1%	m ³ /s	191,93	113,10
6	Mức nước dâng bình	m	16,90	16,60
7	MNLTK (P= 1,5%)	m	18,75	18,30
8	MNLKT (P= 0,5%)	m	19,10	18,59
9	MNLKT cực hạn (P= 0,1%)	m	19,61	19,07
10	Mức nước chết	m	11,50	10,00
11	Dung tích toàn bộ W _{tb}	10 ⁶ m	0,312	0,244
12	Dung tích hữu ích W _{hi}	10 ⁶ m	0,281	0,225
13	Dung tích chết W _c	10 ⁶ m	0,031	0,019
14	Diện tích mặt hồ tại	ha	8,70	5,30
15	Chế độ điều tiết		Năm	Năm
III	Đập đất			
1	Hình thức kết cấu đập		Tường nghiêng, chân khay	Tường nghiêng, chân khay
2	Cao trình đỉnh đập	m	19,40	18,90
3	Cao trình đỉnh gờ chắn	m	19,70	19,20
4	Chiều cao đập H _{max}	m	8,70	9,50
5	Chiều dài đỉnh đập	m	329,90	230,50
6	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,0	5,0
7	Hệ số mái thượng lưu		3,0	3,0
8	Hệ số mái hạ lưu		2,5	2,5
9	Hình thức tiêu nước		áp mái	áp mái
IV	Tràn xả lũ			
1	Hình thức tràn		Tràn tự do	Tràn tự do

T T	Thông số	Đơn vị	Trị số	
			Hồ Hồ Trạch	Hồ Cây Me
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	16,90	16,60
3	Khẩu diện tràn	m	20,00	15,00
4	Cột nước tràn H_{\max}	m	2,20	1,99
5	Lưu lượng xả lũ thiết kế ($Q_{1,5\%}$)	m^3/s	86,45	51,75
6	Lưu lượng xả lũ kiểm tra ($Q_{0,5\%}$)	m^3/s	112,15	67,35
7	Tổng chiều dài dốc nước	m		
8	Nối tiếp và tiêu năng		Tiêu năng bể	Tiêu năng trên nền đá tự nhiên
9	Cao trình đáy bể tiêu năng	m	9,70	
10	Chiều dài bể tiêu năng	m	16,00	
V	Công lấy nước			
1	Chế độ chảy qua công		Có áp	Có áp
2	Khẩu diện công tròn (D)	m	0,60	0,60
3	Cao trình ngưỡng công	m	8,30	8,10
4	Chiều dài công	m	73,20	69,10
5	Lưu lượng Q_{tk}	m^3/s	0,086	0,105
VI	Đường thi công kết hợp QLVH			
1	Cấp đường giao thông nông thôn		B	
2	Kết cấu mặt đường		BTM250, dày 18cm	
3	Chiều rộng mặt đường	m	3,50	
4	Độ dốc ngang mặt đường	%	2,00	
5	Chiều dài đường	m	1.261	
6	Chiều rộng lề đường	m	2x0,75	
7	Chiều rộng nền đường	m	5,00	